

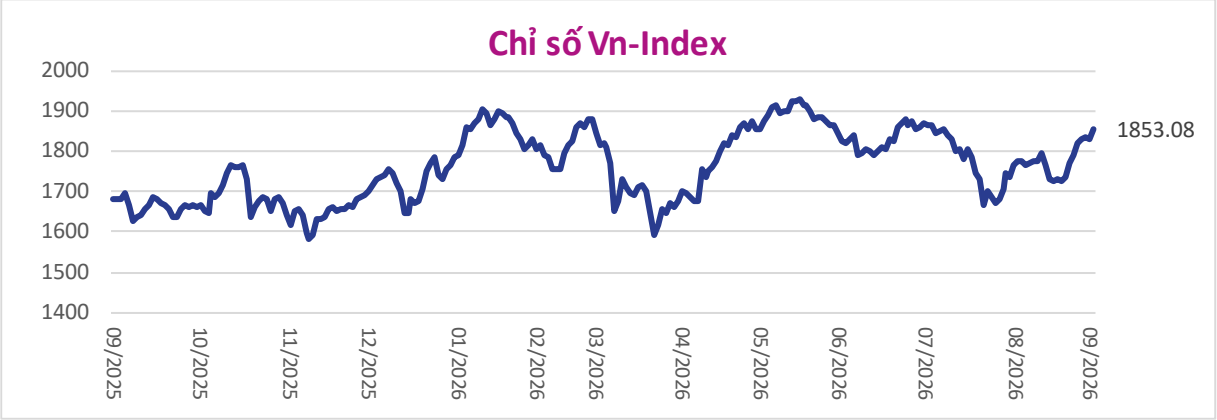
# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## CUỐI NGÀY



## Tổng quan thị trường

1853.08 25.36 1.39%

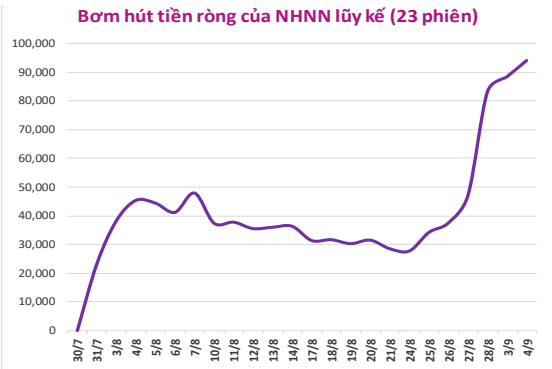
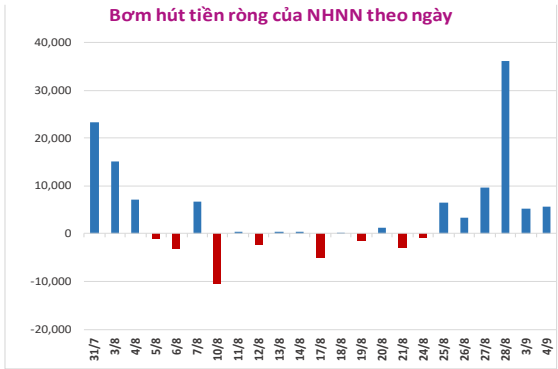


Kết thúc phiên giao dịch ngày 04/09/2026, chỉ số Vn-Index đóng cửa ở mức 1853,08 điểm. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 25,36 điểm, và đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Thanh khoản của thị trường giảm so với phiên giao dịch trước, đồng thời khối lượng giao dịch cũng thấp hơn so với trung bình 20 ngày gần đây. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: VHM(+2,5%), TCB(+1,6%), VIC(+4,7%), VPB(+3,2%), VNM(+1,1%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Cả hai chỉ báo dòng tiền AccDist và OBV tiếp tục trong xu hướng tăng.

Trong tháng 8/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -1.601 tỷ đồng. Và trong những ngày đầu tháng 9/2026, khối ngoại tiếp tục bán ròng -1.436 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -95.260 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch ngày 04/09, khối ngoại đã chuyển sang mua ròng 95 tỷ đồng.

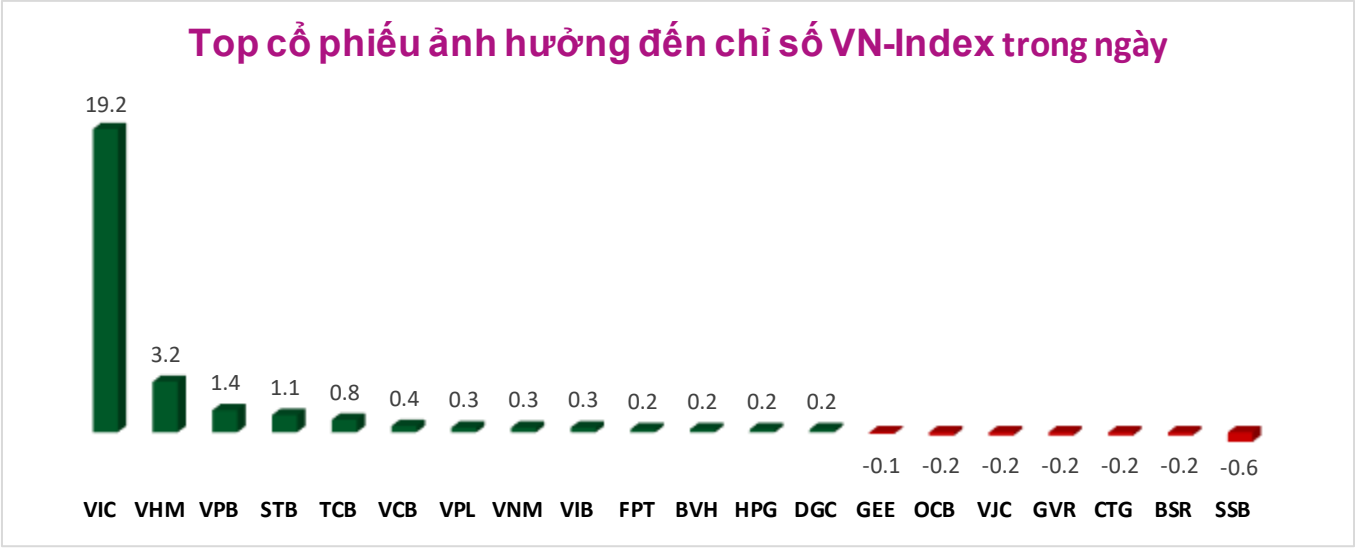
Trên thị trường mở hôm nay, NHNN đã bơm 5.626 tỷ đồng. Như vậy, NHNN đã bơm ròng liên tục nhiều phiên gần đây, cho thấy dấu hiệu hỗ trợ mạnh mẽ cho thanh khoản của hệ thống.

## Bơm hút tiền của Ngân Hàng Nhà Nước



# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

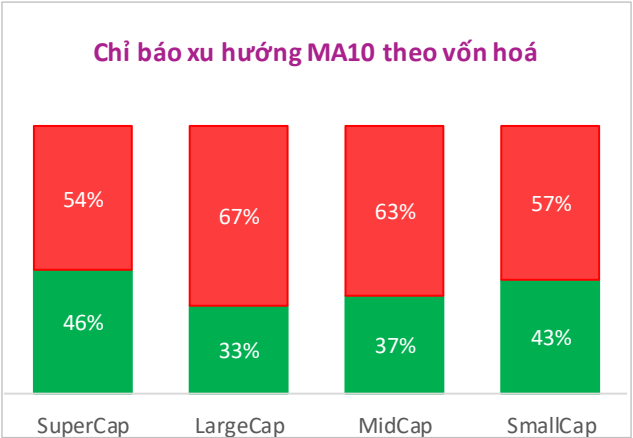
## Nhóm dẫn dắt thị trường



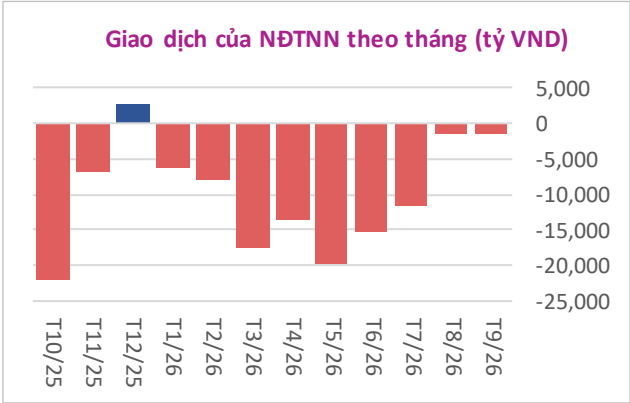
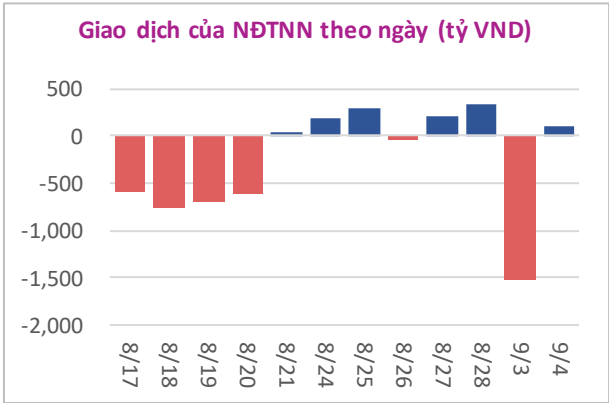
## Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành

|             |                |               |
|-------------|----------------|---------------|
| Ngân hàng ↓ | Bất động sản ↓ | Chứng khoán ↑ |
| Thép ↓      | Phân bón ↑     | Công nghệ ↓   |
| Dầu khí ↓   | Khu CN         | Thủy sản ↓    |
| Bảo hiểm ↑  | Xây dựng ↓     | Cảng biển ↓   |
| Mía đường ↑ | Bán lẻ ↓       | Dệt may ↓     |

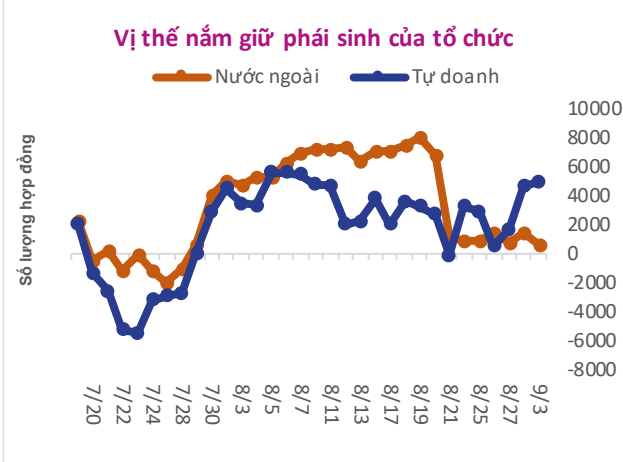
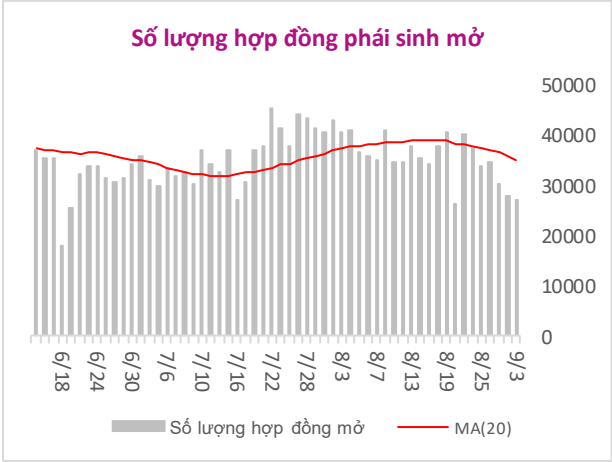


## Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Thị trường phái sinh VN30

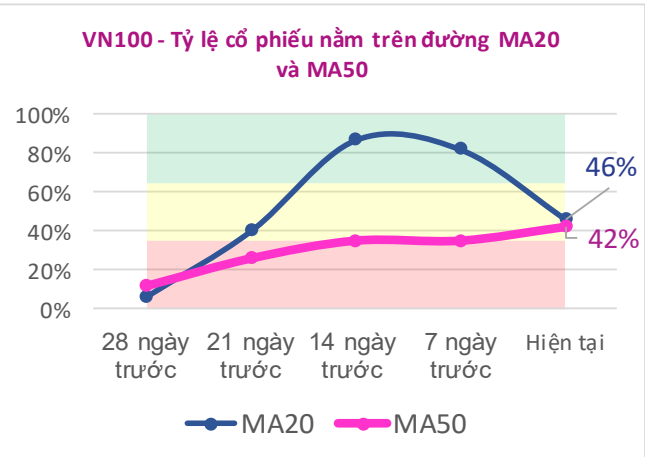


Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

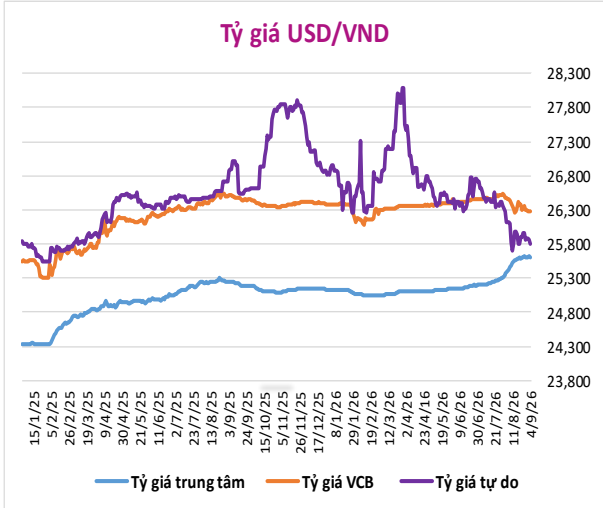
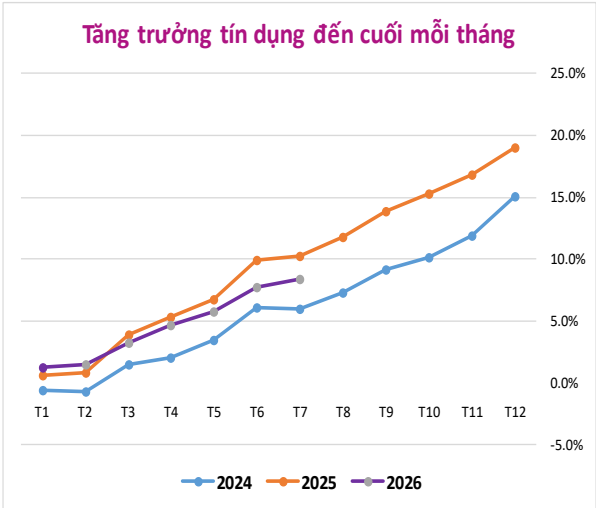
## Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

|             |            |            |            |            |
|-------------|------------|------------|------------|------------|
| VIC (+44.3) | SJS (+8.6) | VPI (+4.7) | STB (+3.9) | DGC (+2.7) |
| FPT (+2.6)  | BVH (+2.2) | DCM (+2.1) | NLG (+2.1) | SSB (+2.0) |
| VHM (+2.0)  | VPB (+1.7) | GMD (-1.6) | BMP (-1.9) | PLX (-1.9) |
| DGW (-2.8)  | FRT (-2.9) | VTP (-2.9) | GEE (-3.1) | PNJ (-3.2) |

## Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50



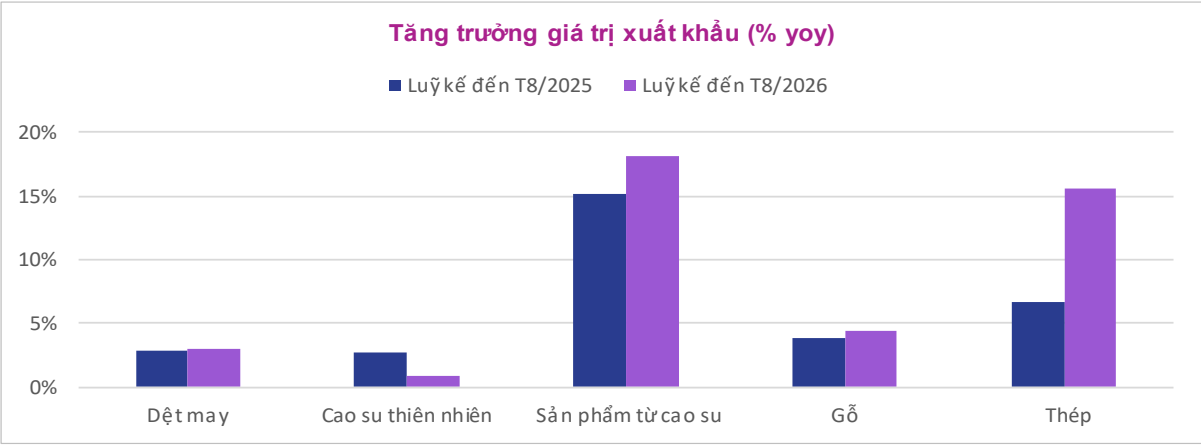
## Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá



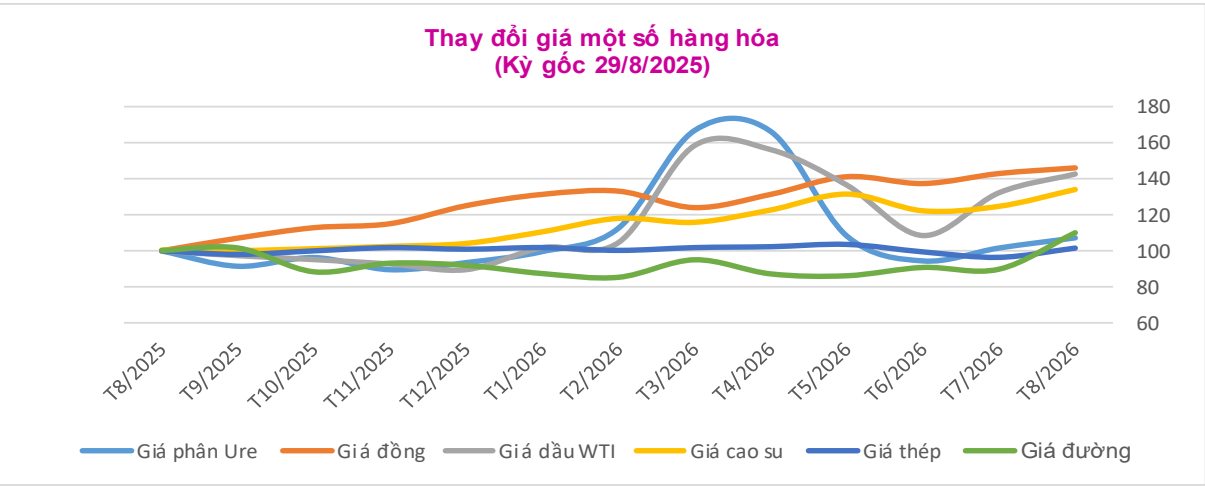
## Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

| Chỉ tiêu                       | 06/2026 | 07/2026 | 08/2026 | Nhận xét                                                                                 |
|--------------------------------|---------|---------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chỉ số PMI                     | 51.8    | 52.9    | 53.3    | PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, tháng 8 đạt mức cao nhất của sáu tháng gần nhất       |
| Sản xuất công nghiệp (YoY)     | 12.7%   | 14.5%   | 14.4%   | Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp                      |
| Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY) | 14.8%   | 14.5%   | 14.9%   | Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 8 tiếp tục tăng trưởng trên 14% |
| Kim ngạch xuất khẩu (YoY)      | 28.1%   | 25.5%   | 26.3%   | Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao                                                   |
| Kim ngạch nhập khẩu (YoY)      | 45.7%   | 41.7%   | 38.4%   | Duy trì tăng trưởng cao, nhưng nhập siêu tháng thứ chín liên tiếp                        |
| Tỷ lệ lạm phát (YoY)           | 4.69%   | 4.45%   | 4.89%   | Lạm phát tháng 8 vượt mốc báo động 4,5%, tiếp tục neo ở mức cao.                         |
| Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)       | 0.3%    | 0.1%    | -0.83%  | Tỷ giá VCB và giá USD tự do giảm, trong khi tỷ giá trung tâm lại tăng                    |

## Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



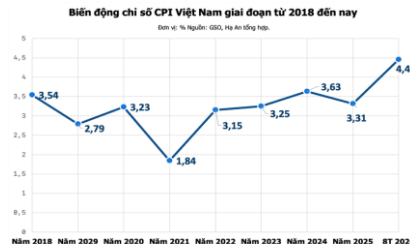
## Diễn biến giá một số loại hàng hoá



## ĐIỂM TIN

## TIN NỔI BẬT

**Lạm phát trong tháng 8 tăng lên 4.89% YoY:** Theo Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 8 tháng năm 2026 tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước, áp sát trần mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% của Quốc hội. Riêng tháng 8, CPI tăng 0,47% so với tháng trước do ảnh hưởng từ việc giá xăng dầu nội địa điều chỉnh tăng theo thị trường thế giới. Trong rổ hàng hóa, có 10/11 nhóm tăng giá, dẫn đầu mức tăng 8 tháng là nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng (+6,71%) và nhóm giao thông (+5,38%). Bình quân 8 tháng, CPI cơ bản tăng 4,24%, thấp hơn mức tăng CPI chung nhờ loại trừ biến động giá năng lượng và thực phẩm. Áp lực lạm phát cận ngưỡng đòi hỏi sự thận trọng trong điều hành chính sách cuối năm. (Nguồn: vietnambiz.vn)



## TIN QUỐC TẾ

**Tỷ giá yên Nhật tăng mạnh do khả năng BOJ tăng lãi suất, không có dấu hiệu can thiệp:** Đồng Yên Nhật ghi nhận đà tăng giá mạnh mẽ khi tiền sát mốc 155,47 Yên/USD do thị trường gia tăng kỳ vọng Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) sẽ nâng lãi suất trong cuộc họp giữa tháng. Khác với những đồn đoán ban đầu, dữ liệu chính thức cho thấy không có sự can thiệp trực tiếp từ Bộ Tài chính Nhật Bản; động lực bứt phá chủ yếu đến từ các tín hiệu chính sách thắt chặt tiền tệ cứng rắn của giới chức BOJ cùng với áp lực suy yếu của đồng USD. Hiện thị trường đang định giá tới 75% khả năng BOJ tăng 0,25 điểm phần trăm lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát. Tuy vậy, giới chức tài chính Nhật Bản vẫn duy trì trạng thái cảnh giác cao độ trước các biến động tỷ giá. (Nguồn: vneconomy.vn)

**Mỹ tuyên bố lưu lượng dầu qua eo biển Hormuz giảm trở lại mức trước giao tranh:** Chính quyền Mỹ tuyên bố dòng chảy dầu mỏ qua eo biển chiến lược Hormuz đang dần phục hồi tiệm cận mức bình thường trước khi giao tranh nổ ra. Theo số liệu do Tổng thống Donald Trump và Phó Tổng thống JD Vance công bố, lưu lượng vận chuyển đã đạt khoảng 15 – 18 triệu thùng/ngày, so với mốc 20 triệu thùng/ngày thời kỳ tiền xung đột. Phía Mỹ nhận định năng lực kiểm soát tuyến hàng hải của Iran đang suy giảm rõ rệt và Washington sẽ chỉ nổi lại đàm phán khi Tehran hoàn toàn chấm dứt các hành vi tấn công tàu thuyền thương mại. Dù vậy, thời điểm kết thúc chiến dịch quân sự vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào các động thái thực tế từ phía Iran. (Nguồn: vov.vn)

## TIN THỊ TRƯỜNG

**Thị trường chứng khoán Mỹ** ghi nhận phiên giao dịch bùng nổ đầy hưng phấn khi cả ba chỉ số chủ chốt đều đồng loạt bứt phá mạnh mẽ trong sắc xanh lan tỏa. Cụ thể, chỉ số Dow Jones dẫn dắt đà tăng của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi cộng thêm 624,16 điểm (tương ứng mức tăng 1,18%), chính thức đóng cửa tại mốc cao 53.686,11 điểm. Tiếp nối quán tính tích cực, chỉ số đại diện S&P 500 cũng tăng mạnh 81,11 điểm (+1,06%) lên mức 7.747,71 điểm nhờ lực cầu lan rộng khắp các nhóm ngành trọng yếu. Đáng chú ý nhất, chỉ số công nghệ Nasdaq trở thành tâm điểm dẫn dắt toàn thị trường khi bứt tốc ngoạn mục tới 366,23 điểm (+1,40%), cán đích tại mức 26.584,06 điểm, tạo nên một phiên giao dịch thăng hoa và củng cố vững chắc tâm lý lạc quan của giới đầu tư toàn cầu. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Thị trường dầu mỏ thế giới** ghi nhận diễn biến giảm co nhưng duy trì đà tăng nhẹ khi chịu tác động bởi căng thẳng địa chính trị và lo ngại gián đoạn nguồn cung tại Trung Đông. Giá dầu chuẩn quốc tế Brent dao động quanh vùng 95,5 – 96,2 USD/thùng, phản ánh tâm lý thận trọng trước nguy cơ thắt chặt nguồn cung chiến lược. Trong khi đó, dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ nhích tăng lên mức khoảng 91,3 – 92,1 USD/thùng nhờ nhu cầu tiêu thụ nội địa ổn định. Dù chịu áp lực trước đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, giá năng lượng vẫn được nâng đỡ vững chắc bởi rủi ro logistics eo biển Hormuz và dự trữ dầu mỏ ở mức thấp. Đà tăng của "vàng đen" tiếp tục phả hơi nóng lên lạm phát toàn cầu. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Thị trường vàng thế giới** duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực khi kim loại quý tiếp tục khẳng định vị thế là kênh trú ẩn an toàn hàng đầu của dòng tiền lớn. Giá vàng giao ngay quốc tế dao động bứt phá quanh vùng 4.470 – 4.480 USD/ounce, được nâng đỡ vững chắc bởi làn sóng mua ròng dự trữ từ các ngân hàng trung ương cùng kỳ vọng vào chính sách lãi suất toàn cầu. Tại thị trường trong nước, giá vàng miếng SJC và vàng nhẫn cũng neo vững ở vùng đỉnh lịch sử quanh mốc 147 – 148 triệu đồng/lượng, bám sát diễn biến quy đổi thế giới. Bất chấp các nhíp điều chỉnh chốt lời ngắn hạn và sự biến động của đồng USD, tâm lý thị trường nhìn chung vẫn giữ vững trạng thái lạc quan nhờ lực cầu phòng ngừa rủi ro địa chính trị bền bỉ. (Nguồn: VIX tổng hợp)

## TIN TRONG NƯỚC

**Thủ tướng: NHNN tìm điểm cân bằng giữa lạm phát và tăng trưởng, tăng tiền gửi KBNN tại các ngân hàng:** Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2026, Thủ tướng yêu cầu Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thường xuyên đánh giá để tìm "điểm cân bằng" giữa kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Cơ quan điều hành cần thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt chẽ khu vực rủi ro và phân đấu hạ lãi suất cho vay. Đáng chú ý, Thủ tướng chỉ đạo điều hành linh hoạt tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại để bổ sung thanh khoản cho nền kinh tế. Đồng thời, Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ thúc đẩy giải ngân 100% vốn đầu tư công, đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn gắn với niềm yết nhằm phát triển thị trường vốn và chứng khoán. (Nguồn: vietnambiz.vn)

**Tăng trưởng huy động vốn của ngân hàng cao hơn tín dụng:** Theo báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2026, Thứ trưởng Bộ Tài chính cho biết thanh khoản ngân hàng hệ thống ngân hàng cải thiện rõ nét khi tăng trưởng huy động vốn VND đạt 8,77%, vượt mức tăng dự nợ tín dụng 8,38%. Bức tranh vĩ mô ghi nhận nhiều điểm sáng: thu ngân sách đạt 2,03 triệu tỷ đồng (80,2% dự toán), vốn FDI đăng ký đạt hơn 40,6 tỷ USD và giải ngân đầu tư công tháng 8 bứt phá tăng 23,1%. Dù vậy, áp lực điều hành vĩ mô vẫn hiện hữu nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai chữ số và kiểm soát lạm phát quanh 4,5%. Bộ Tài chính đề xuất phối hợp cùng NHNN điều hành linh hoạt tiền gửi Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại, đồng thời nắn dòng vốn vào lĩnh vực sản xuất ưu tiên. (Nguồn: vietnamfinance.vn)

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Danh mục theo dõi trung hạn

| STT | Mã  | Ngành           | Chỉ số cơ bản  |                |                   |                   | Chỉ số định giá             |                             |        |        | Giá thị trường<br>(04/9/26) |         |         |
|-----|-----|-----------------|----------------|----------------|-------------------|-------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------|--------|-----------------------------|---------|---------|
|     |     |                 | % LNST         | % LNST         | Biên lợi          | Biên lợi          | ROE Chỉ số                  | ROA Chỉ số                  | Book   | EPS    |                             | P/B     | P/E     |
|     |     |                 | Q1/26<br>(YoY) | Q2/26<br>(YoY) | lợi<br>ròng Q1/26 | lợi<br>ròng Q2/26 | (TTM) Năm:<br>2025<br>(TTM) | (TTM) Năm:<br>2026<br>(TTM) |        |        |                             |         |         |
| 1   | ACB | Ngân hàng       | 10.6%          | -38.7%         | 51.1%             | 33.9%             | 17.6%                       | 1.7%                        | 18,401 | 3,042  | 1.21                        | 7.3     | 22,200  |
| 2   | ANV | Thủy sản        | 915.5%         | 4610.8%        | 14.2%             | 11.9%             | 31.6%                       | 18.7%                       | 13,226 | 3,748  | 1.28                        | 4.5     | 16,950  |
| 3   | BFC | Phân bón        | 14.0%          | -29.9%         | 3.6%              | 2.8%              | 19.3%                       | 8.6%                        | 29,657 | 7,003  | 1.61                        | 6.8     | 47,600  |
| 4   | BID | Ngân hàng       | 16.7%          | 45.3%          | 28.8%             | 38.2%             | 18.8%                       | 1.0%                        | 24,726 | 4,342  | 1.48                        | 8.4     | 36,500  |
| 5   | BMP | VLXD            | 21.0%          | 13.2%          | 22.9%             | 20.3%             | 44.0%                       | 37.4%                       | 35,151 | 15,010 | 4.07                        | 9.5     | 143,000 |
| 6   | BSR | Dầu khí         | 175.1%         | 3739.7%        | 2.6%              | 8.1%              | 8.9%                        | 6.0%                        | 12,079 | 1,036  | 2.21                        | 25.8    | 26,750  |
| 7   | CTD | Xây dựng        | 217.2%         | 117.8%         | 4.0%              | 2.3%              | 8.6%                        | 2.5%                        | 90,563 | 7,540  | 0.68                        | 8.2     | 61,900  |
| 8   | CTG | Ngân hàng       | 63.9%          | 12.3%          | 37.8%             | 47.4%             | 21.1%                       | 1.3%                        | 23,129 | 4,488  | 1.36                        | 7.0     | 31,400  |
| 9   | CTR | Xây dựng        | 15.5%          | 8.8%           | 4.3%              | 4.1%              | 30.5%                       | 7.8%                        | 18,086 | 5,242  | 4.18                        | 14.4    | 75,600  |
| 10  | DCM | Phân bón        | 171.9%         | 16.6%          | 11.0%             | 10.3%             | 18.7%                       | 11.7%                       | 20,390 | 3,706  | 1.60                        | 8.8     | 32,550  |
| 11  | DGW | Bán lẻ          | 39.2%          | 10.3%          | 2.3%              | 2.0%              | 16.9%                       | 5.5%                        | 15,690 | 2,508  | 2.55                        | 16.0    | 40,050  |
| 12  | DHA | Khai thác đá    | 111.3%         | 146.3%         | 32.8%             | 18.4%             | 24.0%                       | 21.7%                       | 32,319 | 7,258  | 1.60                        | 7.1     | 51,800  |
| 13  | FOX | Viễn thông      | 26.2%          | 22.8%          | 18.4%             | 17.3%             | 31.2%                       | 13.7%                       | 15,202 | 4,719  | 4.21                        | 13.6    | 64,000  |
| 14  | FPT | Phần mềm        | 17.1%          | 19.5%          | 16.9%             | 14.8%             | 23.6%                       | 11.7%                       | 25,683 | 6,590  | 2.83                        | 11.0    | 72,800  |
| 15  | GAS | Dầu khí         | 1.3%           | -32.4%         | 7.3%              | 3.2%              | 17.7%                       | 13.0%                       | 28,038 | 4,796  | 3.00                        | 17.5    | 84,000  |
| 16  | GEG | Điện            | 267.5%         | 676.3%         | 11.9%             | 16.3%             | 11.5%                       | 4.6%                        | 15,665 | 2,282  | 0.82                        | 5.6     | 12,850  |
| 17  | GMD | Dịch vụ         | -3.6%          | 76.4%          | 27.7%             | 40.9%             | 11.7%                       | 8.9%                        | 34,842 | 5,162  | 2.22                        | 14.99   | 77,400  |
| 18  | HAG | Nông nghiệp     | 23.1%          | 345.5%         | 22.8%             | 50.7%             | 18.1%                       | 8.6%                        | 11,191 | 1,762  | 1.25                        | 7.94    | 14,000  |
| 19  | HDG | Bất động sản    | 85.0%          | 482.5%         | 47.2%             | 42.2%             | 9.0%                        | 4.9%                        | 22,644 | 2,570  | 0.77                        | 6.81    | 17,500  |
| 20  | HHV | Xây dựng        | 23.3%          | 58.1%          | 16.7%             | 16.7%             | 5.1%                        | 1.5%                        | 24,481 | 1,364  | 0.41                        | 7.32    | 9,980   |
| 21  | HPG | Thép            | 32.8%          | 38.4%          | 11.0%             | 8.4%              | 12.6%                       | 6.4%                        | 17,096 | 2,021  | 1.27                        | 10.74   | 21,700  |
| 22  | HT1 | Xi măng         | 278.5%         | 413.6%         | 4.6%              | 4.3%              | 5.5%                        | 3.5%                        | 13,336 | 718    | 0.94                        | 17.41   | 12,500  |
| 23  | KBC | Bất động sản    | 54.8%          | 2477.5%        | 23.2%             | 40.3%             | 9.1%                        | 3.8%                        | 28,399 | 2,365  | 0.95                        | 11.46   | 27,100  |
| 24  | KDH | Bất động sản    | 692.5%         | 101.7%         | 47.9%             | 43.7%             | 5.2%                        | 3.2%                        | 18,865 | 1,456  | 0.92                        | 11.88   | 17,300  |
| 25  | LCG | Xây dựng        | 9.6%           | 130.2%         | 7.1%              | 4.7%              | 5.7%                        | 2.2%                        | 13,112 | 723    | 0.54                        | 9.83    | 7,110   |
| 26  | MCH | Thực phẩm       | -18.9%         | -11.1%         | 22.6%             | 22.7%             | 44.5%                       | 21.6%                       | 17,480 | 6,336  | 8.12                        | 22.41   | 142,000 |
| 27  | MML | Thực Phẩm       | 419.5%         | 79.6%          | 4.3%              | 6.3%              | 11.6%                       | 5.0%                        | 15,282 | 1,819  | 1.88                        | 15.83   | 28,800  |
| 28  | MSH | Hàng May mặc    | 54.2%          | 17.4%          | 12.2%             | 14.6%             | 28.7%                       | 13.3%                       | 19,626 | 5,962  | 1.55                        | 5.12    | 30,500  |
| 29  | MSN | Thực phẩm       | 43.4%          | 48.4%          | 8.8%              | 9.9%              | 9.6%                        | 3.0%                        | 29,647 | 4,448  | 2.33                        | 15.51   | 69,000  |
| 30  | MSR | Khai khoáng     | 101.5%         | 207.9%         | 0.3%              | 9.3%              | 0.1%                        | 0.0%                        | 11,076 | 10     | 4.42                        | 4772.14 | 49,000  |
| 31  | MWG | Bán lẻ          | 121.4%         | 144.9%         | 4.5%              | 4.9%              | 23.0%                       | 9.1%                        | 22,575 | 4,814  | 3.24                        | 15.18   | 73,100  |
| 32  | NAF | Nước trái cây   | 55.8%          | 26.3%          | 7.0%              | 7.6%              | 16.5%                       | 6.7%                        | 11,491 | 2,140  | 4.23                        | 22.71   | 48,600  |
| 33  | NLG | Bất động sản    | 679.5%         | -62.1%         | 12.5%             | 29.6%             | 4.8%                        | 2.5%                        | 30,559 | 1,951  | 0.84                        | 13.17   | 25,700  |
| 34  | NT2 | Điện            | 383.5%         | 641.4%         | 11.1%             | 21.9%             | 25.0%                       | 12.6%                       | 16,880 | 3,926  | 1.21                        | 5.21    | 20,450  |
| 35  | NTP | VLXD            | 49.9%          | -6.3%          | 16.0%             | 10.8%             | 25.1%                       | 14.8%                       | 24,742 | 5,805  | 2.02                        | 8.63    | 50,100  |
| 36  | PLX | Dầu khí         | 441.0%         | 14.2%          | 0.8%              | 0.9%              | 9.2%                        | 3.2%                        | 22,781 | 2,305  | 1.58                        | 15.62   | 36,000  |
| 37  | POW | Điện            | 109.2%         | 585.3%         | 12.1%             | 7.9%              | 6.5%                        | 2.8%                        | 13,307 | 1,019  | 0.97                        | 12.61   | 12,850  |
| 38  | PVS | Dầu khí         | 73.3%          | 73.5%          | 3.5%              | 9.9%              | 11.8%                       | 5.0%                        | 31,694 | 3,722  | 1.22                        | 10.40   | 38,700  |
| 39  | QNS | Đường           | -28.4%         | -2.8%          | 14.2%             | 22.4%             | 18.6%                       | 13.6%                       | 28,956 | 5,231  | 1.69                        | 9.35    | 48,900  |
| 40  | SBT | Đường           | -13.0%         | -19.2%         | 3.7%              | 2.8%              | 6.7%                        | 2.2%                        | 13,938 | 866    | 1.65                        | 26.56   | 23,000  |
| 41  | SHB | Ngân hàng       | 49.8%          | 8.3%           | 40.7%             | 39.0%             | 19.1%                       | 1.5%                        | 14,800 | 2,605  | 0.81                        | 4.63    | 12,050  |
| 42  | SIP | Bất động sản    | 21.7%          | 6.3%           | 17.1%             | 17.4%             | 25.3%                       | 5.0%                        | 24,181 | 6,303  | 2.02                        | 7.76    | 48,900  |
| 43  | STB | Ngân hàng       | 31.8%          | -176.5%        | 33.0%             | -35.8%            | 10.3%                       | 0.7%                        | 31,756 | 3,150  | 2.43                        | 24.54   | 77,300  |
| 44  | TCB | Ngân hàng       | 14.2%          | 104.1%         | 46.4%             | 47.2%             | 15.4%                       | 2.3%                        | 25,331 | 3,663  | 1.29                        | 8.90    | 32,600  |
| 45  | TCM | Hàng May mặc    | -21.4%         | -24.2%         | 7.1%              | 5.4%              | 11.4%                       | 6.7%                        | 21,823 | 2,419  | 0.78                        | 7.03    | 17,000  |
| 46  | TRC | Cao su          | 60.4%          | -68.8%         | 49.0%             | 15.2%             | 13.1%                       | 11.5%                       | 69,312 | 8,669  | 1.26                        | 10.04   | 87,000  |
| 47  | VCB | Ngân hàng       | 5.3%           | 0.7%           | 50.0%             | 45.0%             | 16.6%                       | 1.6%                        | 27,231 | 4,213  | 2.16                        | 13.98   | 58,900  |
| 48  | VGI | Hàng May mặc    | 56.0%          | 57.7%          | 7.1%              | 8.4%              | 9.1%                        | 4.4%                        | 20,090 | 2,666  | 0.57                        | 4.31    | 11,500  |
| 49  | VHC | Thủy sản        | 33.5%          | -43.4%         | 13.1%             | 9.0%              | 14.4%                       | 10.6%                       | 44,495 | 6,465  | 1.18                        | 8.12    | 52,500  |
| 50  | VJC | Hàng không      | -43.9%         | 43618.4%       | 1.9%              | 1.7%              | 10.1%                       | 1.8%                        | 42,005 | 3,589  | 2.96                        | 34.69   | 124,500 |
| 51  | VNM | Sản phẩm từ sữa | 4.5%           | 31.7%          | 14.8%             | 16.6%             | 26.6%                       | 17.4%                       | 16,499 | 4,504  | 3.75                        | 13.74   | 61,900  |
| 52  | VPB | Ngân hàng       | 76.8%          | 61.1%          | 36.6%             | 36.2%             | 14.6%                       | 2.2%                        | 22,722 | 3,070  | 1.22                        | 9.06    | 27,800  |
| 53  | VTP | Vận tải         | -20.2%         | 17.3%          | 1.7%              | 2.6%              | 24.1%                       | 5.8%                        | 14,519 | 3,348  | 3.53                        | 15.32   | 51,300  |

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Cập nhật giá hàng hoá

| Chỉ số                              | Giá              | +/- 15 ngày | +/- 30 ngày | +/- Định 1 tháng | +/- Đáy 1 tháng |
|-------------------------------------|------------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|
| BTC                                 | 30979.55(+3,928) | +17,180     | +14,543     | 0                | +18,166         |
| Giá dầu WTI                         | 91.3(+0)         | +8          | +7          | -1               | +16             |
| Giá gas châu Âu                     | 71.05(-3)        | +11         | +11         | -3               | +17             |
| Giá vàng                            | 4473.63(+86)     | +103        | +396        | -184             | +445            |
| Giá đồng                            | 6.58(+0)         | -0          | +0          | -0               | +0              |
| Giá đường                           | 17.99(-1)        | +1          | +3          | -1               | +4              |
| Giá phân Ure                        | 443.25(-1)       | +57         | +13         | -9               | +60             |
| Giá thép                            | 3115(+19)        | +97         | +36         | 0                | +162            |
| Giá quặng sắt (62%Fe)               | 99.42(+2)        | +4          | +1          | 0                | +6              |
| Giá than                            | 147(+0)          | +18         | +16         | 0                | +19             |
| Giá đậu tương                       | 1306.25(+5)      | +159        | +87         | 0                | +159            |
| Giá ngô                             | 515.25(-4)       | +79         | +63         | -4               | +79             |
| Giá nhựa Polyvinyl                  | 4890(+130)       | +361        | +298        | 0                | +443            |
| Giá cước vận tải khô BDI            | 3488(+157)       | +442        | +818        | 0                | +856            |
| Giá cước vận tải container (Drewry) | 4465(-8)         | +168        | -82         | -82              | +210            |
| DXY                                 | 98.96(-1)        | -1          | -2          | -3               | +0              |
| Giá cao su                          | 232.8(-2)        | +14         | +15         | -4               | +22             |
| Phốt pho vàng                       | 28229.33(-100)   | +333        | +1,467      | -237             | +1,467          |
| Ure(Sunsir)                         | 1712.5(0)        | -23         | -53         | -55              | +10             |
| H2SO4                               | 1800(0)          | -70         | -313        | -313             | 0               |
| HRC(Sunsir)                         | 3376(-14)        | +126        | +64         | -14              | +156            |
| Iron Ore (Sunsir)                   | 708.67(-6)       | +10         | -6          | -6               | +29             |
| Cao su thiên nhiên (Sunsir)         | 17966.67(+67)    | +1,042      | +1,208      | 0                | +1,575          |
| PVC(Sunsir)                         | 4685(-65)        | +243        | +201        | -65              | +310            |
| Rebar                               | 3153(-12)        | +141        | +66         | -12              | +151            |
| Cautic soda                         | 637(0)           | -2          | -6          | -6               | 0               |



## Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.